

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 1

Từ SBD 550001

Đến SBD 550024

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550001	NGUYỄN HOÀNG BÌNH AN	18/12/2006	Xuân Châu	T. Anh	
2	550002	LẠI QUỐC BÌNH AN	25/03/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550003	ĐỖ HẢI AN	17/03/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550004	TRẦN HỮU AN	24/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550005	PHẠM QUỐC AN	15/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550006	PHAN TRẦN THÁI AN	18/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550007	NGUYỄN THÀNH AN	19/09/2006	Xuân Phong	T. Anh	
8	550008	NGUYỄN CAO TRƯỜNG AN	04/06/2006	Xuân Thành	T. Anh	
9	550009	TRẦN VĂN AN	24/06/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
10	550010	NGUYỄN PHẠM CHẤN ANH	30/07/2006	Xuân Châu	T. Anh	
11	550011	LƯƠNG DUY ANH	10/02/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
12	550012	ĐỖ ĐỨC ANH	01/07/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550013	ĐOÀN BÁ HOÀNG ANH	17/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550014	PHẠM THỊ HUYỀN ANH	01/09/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
15	550015	VŨ THỊ KIM ANH	12/12/2006	Xuân Phong	T. Anh	
16	550016	PHẠM LAN ANH	02/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550017	NGUYỄN THỊ LAN ANH	25/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550018	PHẠM THỊ MAI ANH	29/12/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
19	550019	PHẠM MINH ANH	28/09/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
20	550020	NGUYỄN NGỌC ANH	12/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
21	550021	BÙI THỊ NGỌC ANH	20/04/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
22	550022	PHẠM THỊ NGỌC ANH	20/10/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
23	550023	TRẦN NHẬT ANH	23/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550024	NGÔ PHƯƠNG ANH	08/09/2006	Xuân Tiến	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550025	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	14/07/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
2	550026	VŨ PHƯƠNG ANH	24/12/2006	Xuân Trường	T. Anh	
3	550027	VÕ PHẠM PHƯƠNG ANH	22/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
4	550028	TRỊNH THỊ PHƯƠNG ANH	02/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550029	LÃ QUỲNH ANH	30/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550030	PHẠM QUỲNH ANH	02/01/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550031	VŨ QUỲNH ANH	24/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
8	550032	LÊ NGUYỄN QUỲNH ANH	11/07/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
9	550033	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	20/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
10	550034	NGUYỄN THẾ ANH	17/07/2006	Xuân Thành	T. Anh	
11	550035	LÊ THỰC ANH	08/12/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
12	550036	PHẠM THUỶ ANH	06/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550037	PHẠM THÙY ANH	25/09/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
14	550038	NGUYỄN TIẾN ANH	06/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550039	PHẠM TUẤN ANH	30/03/2006	Xuân Phong	T. Anh	
16	550040	PHẠM TUẤN ANH	06/07/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
17	550041	NGUYỄN HOÀNG TUẤN ANH	16/03/2006	Xuân Châu	T. Anh	
18	550042	ĐINH VÂN ANH	20/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
19	550043	ĐINH THỊ VÂN ANH	26/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550044	ĐINH THỊ VÂN ANH	05/01/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
21	550045	MAI VIỆT ANH	13/05/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
22	550046	NGUYỄN VIỆT ANH	12/11/2006	Xuân Thành	T. Anh	
23	550047	VŨ VIỆT ANH	04/05/2006	Xuân Châu	T. Anh	
24	550048	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH	25/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 3

Từ SBD 550049

Đến SBD 550072

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550049	PHẠM MINH	ÁNH	08/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
2	550050	LƯƠNG NGỌC	ÁNH	01/12/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
3	550051	MAI NGỌC	ÁNH	14/01/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
4	550052	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	06/02/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
5	550053	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	28/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
6	550054	ĐỖ THỊ NGỌC	ÁNH	17/04/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
7	550055	MAI THỊ NGỌC	ÁNH	23/11/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
8	550056	TRỊNH THỊ NGỌC	ÁNH	04/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550057	VŨ PHƯƠNG	ÁNH	28/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550058	NGUYỄN GIA	BẢO	02/06/2006	Xuân Châu	T. Anh	
11	550059	ĐỖ QUỐC	BẢO	20/08/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
12	550060	PHẠM QUỐC	BẢO	30/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550061	PHẠM XUÂN	BẮC	13/12/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
14	550062	NGUYỄN ĐỨC	BẰNG	27/04/2006	Xuân Châu	T. Anh	
15	550063	NGUYỄN AN	BÌNH	19/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550064	PHẠM THỊ	BÔNG	26/02/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
17	550065	LƯƠNG THÚY	BÔNG	25/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
18	550066	NGUYỄN MINH	CẢNH	09/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550067	PHẠM HUỆ	CHI	31/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550068	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	25/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550069	NGUYỄN LINH	CHI	11/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550070	NGUYỄN LINH	CHI	15/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
23	550071	PHÙNG LINH	CHI	03/04/2006	Xuân Châu	T. Anh	
24	550072	TỔNG THỊ LINH	CHI	12/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 4

Từ SBD 550073

Đến SBD 550096

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550073	VŨ THỊ LINH	CHI	06/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550074	TRỊNH THẢO	CHI	19/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550075	NGUYỄN THẨM	CHI	04/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
4	550076	NGUYỄN YẾN	CHI	17/11/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
5	550077	PHẠM VĂN	CHIẾN	19/09/2006	Xuân Phong	T. Anh	
6	550078	PHẠM GIA	CHINH	29/08/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550079	TRỊNH MINH	CHINH	10/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550080	PHẠM THỊ THU	CHINH	14/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
9	550081	VŨ ĐỨC	CHÍNH	10/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550082	NGUYỄN HOÀNG	CHÍNH	06/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
11	550083	PHẠM THANH	CHUNG	17/12/2006	Xuân Châu	T. Anh	
12	550084	PHẠM HỒNG	CHƯƠNG	23/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550085	NGÔ VĂN	CHƯƠNG	02/01/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
14	550086	NGUYỄN CHIẾN	CÔNG	13/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550087	PHẠM THÀNH	CÔNG	17/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550088	LƯƠNG VĂN	CÔNG	23/10/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
17	550089	MAI DUY	CƯỜNG	08/04/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
18	550090	NGUYỄN ĐĂNG	CƯỜNG	14/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550091	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	07/07/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
20	550092	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	22/03/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
21	550093	ĐỖ VIỆT	CƯỜNG	31/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550094	PHẠM THỊ KIỀU	DIỄM	13/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
23	550095	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	20/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550096	ĐỖ PHƯƠNG	DIỄM	28/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COLTHI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 5

Từ SBD 550097

Đến SBD 550120

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	DIỆP	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550097	NGUYỄN THỊ BÍCH	DIỆP	25/06/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
2	550098	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỆP	29/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550099	TRỊNH NGỌC	DIỆP	05/11/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
4	550100	LÃ THỊ NGỌC	DIỆP	15/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550101	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	09/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550102	TRỊNH QUANG	DIỆP	05/01/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
7	550103	PHẠM HUYỀN	DIỆU	03/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550104	VŨ HUYỀN	DIỆU	27/02/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
9	550105	ĐOÀN HƯƠNG	DIỆU	06/11/2006	Xuân Thành	T. Anh	
10	550106	NGUYỄN THỊ	DIỆU	02/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
11	550107	NGUYỄN THU	DIỆU	11/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550108	ĐÀO THỊ THU	DIỆU	28/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550109	ĐỖ XUÂN	DIỆU	06/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550110	ĐINH HUY	DU	20/08/2006	Xuân Thành	T. Anh	
15	550111	ĐẶNG VĂN	DUẨN	21/10/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
16	550112	LÊ HỒNG	DUNG	16/05/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
17	550113	NGÔ THỊ KIM	DUNG	15/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550114	NGUYỄN PHƯƠNG	DUNG	05/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550115	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	DUNG	25/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550116	HOÀNG THỊ THANH	DUNG	16/12/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
21	550117	PHẠM THÙY	DUNG	24/04/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
22	550118	VŨ THỊ THÙY	DUNG	17/06/2006	Xuân Đài	T. Anh	
23	550119	PHẠM ANH	DŨNG	31/10/2006	Xuân Thành	T. Anh	
24	550120	VŨ VĂN	DŨNG	21/08/2006	Xuân Châu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 6  
Từ SBD 550121  
Đến SBD 550144

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550121	VŨ ĐÌNH	DUY	21/09/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
2	550122	ĐỖ ĐỨC	DUY	15/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550123	NGUYỄN ĐỨC	DUY	16/06/2006	Xuân Phong	T. Anh	
4	550124	NGUYỄN ĐỨC	DUY	08/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550125	NGUYỄN ĐỨC	DUY	20/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550126	PHẠM ĐỨC	DUY	05/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550127	NGUYỄN ĐẶNG KHÁNH	DUY	10/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550128	PHẠM NHẤT	DUY	15/10/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
9	550129	ĐOÀN THỊ MỸ	DUYÊN	18/02/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
10	550130	NGUYỄN THỊ THẢO	DUYÊN	24/09/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
11	550131	ĐẶNG THUY	DUYÊN	08/10/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
12	550132	NGUYỄN ĐĂNG	DƯƠNG	30/05/2006	Xuân Châu	T. Anh	
13	550133	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	18/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
14	550134	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	29/06/2006	Giao An	T. Anh	
15	550135	PHAN THỊ QUỲNH	DƯƠNG	25/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550136	NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	13/05/2006	Xuân Thành	T. Anh	
17	550137	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	18/01/2006	Xuân Trường	T. Anh	
18	550138	LƯƠNG TÙNG	DƯƠNG	15/08/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
19	550139	TRỊNH XUÂN	DƯƠNG	01/01/2006	Xuân Thành	T. Anh	
20	550140	NGUYỄN DUY	ĐẠI	30/05/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
21	550141	ĐẶNG ĐỨC	ĐẠI	30/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550142	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	06/09/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
23	550143	PHẠM THÀNH	ĐẠT	29/01/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
24	550144	MAI TIẾN	ĐẠT	21/03/2006	Xuân Châu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



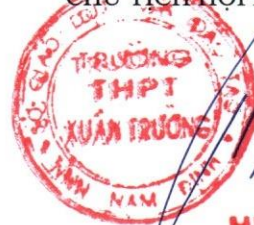
HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550145	PHAN TIẾN	ĐẠT	15/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550146	TRẦN TIẾN	ĐẠT	07/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550147	ĐỖ ANH	ĐẮC	08/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550148	NGUYỄN TUẤN	ĐẰNG	04/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
5	550149	MAI VĂN	ĐIỂN	17/11/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
6	550150	BÙI THỊ HỒNG	ĐIỆP	24/06/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
7	550151	ĐẶNG TIẾN	ĐÔNG	21/12/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
8	550152	ĐÀO VĂN	ĐÔNG	31/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550153	VŨ ANH	ĐỨC	13/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
10	550154	NGUYỄN DUY	ĐỨC	02/06/2006	Xuân Thành	T. Anh	
11	550155	TRỊNH MINH	ĐỨC	06/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
12	550156	BÙI ĐOÀN TIẾN	ĐỨC	16/04/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
13	550157	MAI HỒNG	GẮM	01/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
14	550158	TRỊNH ĐỨC	GIANG	02/01/2006	Xuân Thành	T. Anh	
15	550159	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	26/10/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
16	550160	NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	21/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
17	550161	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	06/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
18	550162	VŨ THỊ HƯƠNG	GIANG	07/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550163	PHẠM THÙY	GIANG	02/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550164	LÃ TRƯỜNG	GIANG	30/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
21	550165	PHAN VĂN	GIANG	21/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550166	BÙI NGỌC	HÀ	01/01/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
23	550167	NGUYỄN KHÁNH	HẠ	16/06/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
24	550168	TRỊNH ĐỨC	HẢI	22/12/2006	Xuân Trường	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 8

Từ SBD 550169

Đến SBD 550192

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	550169	VŨ ĐỨC	HẢI	10/11/2006	Trung tâm GDTX	T. Anh	
2	550170	PHẠM QUANG	HẢI	25/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550171	PHẠM MINH	HẠNH	13/03/2006	Xuân Châu	T. Anh	
4	550172	PHẠM THỊ	HẰNG	29/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
5	550173	NGUYỄN THU	HẰNG	21/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
6	550174	VŨ THU	HẰNG	22/09/2006	Xuân Phong	T. Anh	
7	550175	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	19/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550176	PHẠM THỊ THU	HẰNG	12/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
9	550177	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	16/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
10	550178	CHU THỊ THU	HIỀN	28/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
11	550179	LÊ THỊ THU	HIỀN	09/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
12	550180	TRỊNH THỊ THU	HIỀN	06/06/2006	Xuân Thành	T. Anh	
13	550181	ĐỖ THỊ THÚY	HIỀN	28/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
14	550182	PHẠM ĐỨC	HIỆP	24/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550183	PHẠM HOÀNG	HIỆP	24/08/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550184	VŨ HOÀNG	HIỆP	16/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550185	NGUYỄN XUÂN	HIỆP	30/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550186	TRẦN DUY	HIẾU	27/10/2006	Xuân Thành	T. Anh	
19	550187	VŨ MẠNH	HIẾU	02/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550188	PHẠM NGỌC	HIẾU	10/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
21	550189	PHAN NGỌC	HIẾU	01/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550190	VŨ QUANG	HIẾU	06/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550191	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	30/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
24	550192	TRỊNH XUÂN	HIẾU	02/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550193	ĐỖ NGỌC HOA	17/08/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
2	550194	ĐINH THỊ QUỲNH HOA	12/03/2005	Xuân Phương	T. Anh	
3	550195	PHẠM THỊ THANH HOA	24/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550196	BÙI THỊ MINH HOÀ	13/04/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
5	550197	TRỊNH THỊ HOÀ	05/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550198	VŨ XUÂN HOÀ	16/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550199	PHAN THỊ HOÀI	20/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550200	NGUYỄN THỊ THU HOÀI	20/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550201	NGUYỄN ĐĂNG HOÀN	20/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550202	PHAN THỊ HOÀN	15/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550203	NGUYỄN MINH HOÀNG	25/09/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
12	550204	PHẠM MINH HOÀNG	14/10/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
13	550205	ĐINH NHẬT HOÀNG	14/12/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
14	550206	PHẠM VIỆT HOÀNG	26/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550207	ĐINH VINH HOÀNH	30/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
16	550208	NGUYỄN THỊ THÚY HỒNG	19/02/2006	Xuân Châu	T. Anh	
17	550209	NGUYỄN VŨ XUÂN HỒNG	13/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550210	NGUYỄN NGỌC HƠN	16/09/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550211	NGUYỄN MINH HUẤN	12/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550212	ĐINH THỊ HỒNG HUẾ	12/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550213	BÙI THỊ HUẾ	02/07/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
22	550214	ĐẶNG THỊ HUẾ	25/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550215	PHẠM THU HUẾ	27/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550216	PHAN THỊ THU HUẾ	25/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 10

Từ SBD 550217

Đến SBD 550240

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	550217	VŨ DUY	HÙNG	17/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
2	550218	LƯƠNG VIỆT	HÙNG	21/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550219	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	15/05/2006	Xuân Trường	T. Anh	
4	550220	ĐẶNG XUÂN	HÙNG	29/12/2005	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550221	PHẠM NGỌC	HUY	28/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550222	PHẠM QUANG	HUY	10/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
7	550223	PHAN QUANG	HUY	09/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550224	ĐẶNG QUỐC	HUY	23/12/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
9	550225	TRẦN QUỐC	HUY	28/07/2006	Xuân Châu	T. Anh	
10	550226	NGUYỄN TIẾN	HUY	17/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550227	LÊ VĂN	HUYỀN	08/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550228	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	05/05/2006	Xuân Châu	T. Anh	
13	550229	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	21/07/2006	Xuân Phong	T. Anh	
14	550230	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	12/01/2006	Xuân Trường	T. Anh	
15	550231	VŨ THỊ	HUYỀN	09/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550232	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	03/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550233	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	23/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550234	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	01/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
19	550235	MAI ĐỨC	HUYNH	18/04/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550236	NGUYỄN DUY	HUNG	19/04/2006	Xuân Phong	T. Anh	
21	550237	TÔ GIA	HUNG	10/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
22	550238	VŨ TRỌNG	HUNG	12/10/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
23	550239	NGÔ TUẤN	HUNG	14/05/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
24	550240	PHẠM TUẤN	HUNG	14/02/2006	Xuân Ninh	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



MIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 11

Từ SBD 550241

Đến SBD 550264

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú	
1	550241	PHAN TUẤN	HUNG	24/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550242	ĐỖ THỊ KIM	HƯƠNG	29/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550243	LÊ THỊ LAN	HƯƠNG	19/04/2006	Xuân Châu	T. Anh	
4	550244	VŨ THỊ LAN	HƯƠNG	15/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550245	ĐẶNG MAI	HƯƠNG	19/03/2006	Xuân Trường	T. Anh	
6	550246	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	30/03/2005	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550247	TRỊNH THỊ	HƯỜNG	04/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550248	PHẠM DUY	HỮU	01/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
9	550249	PHẠM NGỌC	KHẢI	29/06/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
10	550250	TRẦN QUANG	KHẢI	04/11/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
11	550251	NGUYỄN TIẾN	KHẢI	10/10/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
12	550252	NGUYỄN DƯƠNG	KHANG	12/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550253	PHẠM CÔNG	KHANH	23/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550254	NGUYỄN TUẤN	KHANH	09/06/2006	Xuân Thành	T. Anh	
15	550255	PHAN TUẤN	KHANH	13/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550256	NGUYỄN DUY	KHÁNH	10/12/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
17	550257	NGUYỄN DUY	KHÁNH	29/10/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
18	550258	NGÔ BẢO NGỌC GIA	KHÁNH	14/12/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
19	550259	VŨ NAM	KHÁNH	20/10/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
20	550260	TRỊNH NGỌC	KHÁNH	04/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550261	PHẠM QUANG	KHÁNH	23/09/2006	Xuân Phong	T. Anh	
22	550262	ĐÀO VĂN	KHÁNH	23/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
23	550263	BÙI THỊ VÂN	KHÁNH	10/10/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
24	550264	NGUYỄN ĐỨC	KHIÊM	26/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 12

Từ SBD 550265

Đến SBD 550288

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550265	PHẠM ANH	KHOA	13/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
2	550266	TRẦN XUÂN	KHUÔNG	24/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550267	BÙI TIẾN	KIÊN	17/11/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
4	550268	ĐẶNG TRUNG	KIÊN	09/04/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550269	LÊ TRUNG	KIÊN	11/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550270	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	11/02/2006	Xuân Phong	T. Anh	
7	550271	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	01/03/2006	Xuân Phong	T. Anh	
8	550272	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	09/03/2006	Xuân Phong	T. Anh	
9	550273	TRẦN THỊ DIỄM	KIỀU	06/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
10	550274	NGUYỄN MẠNH	KỶ	28/03/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
11	550275	ĐỖ	KỶ	24/02/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
12	550276	ĐỖ THỊ NGỌC	LAN	09/08/2006	Xuân Phương	T. Anh	
13	550277	VŨ THỊ NGỌC	LAN	15/06/2006	Xuân Phong	T. Anh	
14	550278	VŨ NGỌC PHƯƠNG	LAN	20/07/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
15	550279	PHẠM HOÀNG	LÂM	18/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
16	550280	PHẠM TUẤN	LÂM	19/08/2006	Xuân Thành	T. Anh	
17	550281	LƯƠNG TÙNG	LÂM	09/07/2006	Xuân Châu	T. Anh	
18	550282	ĐẶNG VŨ TÙNG	LÂM	11/12/2006	Trung tâm GDTX	T. Anh	
19	550283	NGUYỄN QUANG	LIỆU	16/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550284	NGUYỄN PHƯƠNG DIỆU	LINH	12/11/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
21	550285	NGUYỄN DUY	LINH	01/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
22	550286	HỒ SỸ HẢI	LINH	18/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
23	550287	VŨ KHÁNH	LINH	17/04/2006	Xuân Trường	T. Anh	
24	550288	LƯƠNG THỊ KHÁNH	LINH	23/10/2006	Xuân Tiến	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG**  
**PHẠM VĂN CHÂU**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoa ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 13  
Từ SBD 550289  
Đến SBD 550312

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550289	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	30/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
2	550290	PHAN VŨ KHÁNH LINH	15/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550291	NGUYỄN MAI LINH	02/02/2006	Xuân Trường	T. Anh	
4	550292	NGUYỄN THỊ MAI LINH	19/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
5	550293	ĐẶNG NGỌC LINH	25/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550294	MAI THỊ NGỌC LINH	15/12/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
7	550295	VŨ THỊ NGỌC LINH	22/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
8	550296	CHU PHƯƠNG LINH	27/12/2006	Xuân Châu	T. Anh	
9	550297	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	23/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
10	550298	NGUYỄN THÙY LINH	23/04/2006	Xuân Phong	T. Anh	
11	550299	NGUYỄN THÙY LINH	18/01/2006	Xuân Phong	T. Anh	
12	550300	NGUYỄN THÙY LINH	04/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
13	550301	NGUYỄN VŨ YẾN LINH	29/04/2006	Xuân Phong	T. Anh	
14	550302	PHẠM THỊ BÍCH LOAN	20/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550303	TẠ KHÁNH LONG	03/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
16	550304	NGUYỄN NHẬT LONG	29/05/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
17	550305	PHAN THANH LONG	27/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550306	PHẠM THẾ LONG	26/02/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
19	550307	PHAN VĂN LONG	02/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550308	ĐẶNG THÀNH LỘC	14/01/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
21	550309	TRẦN THỊ LỰA	26/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
22	550310	PHẠM THÀNH LUÂN	20/07/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
23	550311	NGÔ KHÁNH LY	07/12/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
24	550312	PHẠM KHÁNH LY	04/09/2006	Xuân Kiên	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 14  
Từ SBD 550313  
Đến SBD 550336

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550313	BÙI THỊ KHÁNH	LY	30/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
2	550314	LÊ THỊ KHÁNH	LY	02/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550315	PHẠM THỊ KHÁNH	LY	13/04/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
4	550316	TRẦN TRÚC	LY	12/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550317	PHẠM YẾN	LY	06/04/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
6	550318	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	18/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
7	550319	ĐỖ PHƯƠNG	MAI	26/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550320	ĐẶNG QUỲNH	MAI	11/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550321	NGUYỄN THỊ	MAI	13/01/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
10	550322	PHAN THỊ	MAI	10/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550323	TRỊNH THỊ TUYẾT	MAI	04/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550324	ĐẶNG ĐỨC	MẠNH	23/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550325	PHẠM ĐỨC	MẠNH	01/12/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
14	550326	ĐINH THẾ	MẠNH	14/08/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
15	550327	NGUYỄN ĐỨC	MINH	30/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550328	TRẦN ĐỨC	MINH	19/01/2006	Xuân Phong	T. Anh	
17	550329	TRỊNH NHẬT	MINH	23/12/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
18	550330	NGUYỄN THỊ	MINH	09/12/2006	Xuân Châu	T. Anh	
19	550331	NGUYỄN THU	MINH	26/06/2006	Xuân Châu	T. Anh	
20	550332	ĐINH VĂN	MINH	03/01/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
21	550333	ĐỖ THỊ DIỆU	MY	17/06/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
22	550334	VŨ NGỌC HÀ	MY	13/03/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
23	550335	TRẦN THỊ HÀ	MY	06/02/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
24	550336	MAI TRÀ	MY	27/07/2006	Tam Hiệp	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



**HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU**

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 15

Từ SBD 550337

Đến SBD 550360

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550337	PHẠM TRÀ MY	22/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550338	HỒ THỊ TRÀ MY	17/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550339	VŨ THỊ TRÀ MY	21/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550340	TRẦN AN NAM	28/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550341	NGUYỄN BÌNH NAM	27/09/2006	Xuân Châu	T. Anh	
6	550342	HỒ SỸ HẢI NAM	24/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
7	550343	VŨ THÀNH NAM	29/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550344	NGUYỄN THỊ NGUYỆT NGA	17/10/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
9	550345	NGUYỄN THỊ NGÀ	10/01/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
10	550346	LƯU THỊ HỒNG NGÁT	13/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
11	550347	MAI KIM NGÂN	23/10/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
12	550348	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	06/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
13	550349	HOÀNG QUỲNH NGÂN	21/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550350	HOÀNG ĐẠI NGHĨA	14/10/2006	Xuân Thành	T. Anh	
15	550351	TỔNG THỊ HỒNG NGOAN	01/01/2006	Xuân Thành	T. Anh	
16	550352	BÙI ÁNH NGỌC	17/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
17	550353	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	27/03/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
18	550354	NGUYỄN BÍCH NGỌC	01/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550355	ĐỖ THỊ BÍCH NGỌC	09/11/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550356	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	02/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550357	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	08/12/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
22	550358	PHAN THỊ BÍCH NGỌC	08/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550359	TRẦN KIM NGỌC	17/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
24	550360	PHẠM THỊ KIM NGỌC	10/01/2006	Xuân Thủy	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 16  
Từ SBD 550361  
Đến SBD 550384

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550361	PHẠM THỊ THANH NGỌC	21/08/2006	Xuân Thuỷ	T. Anh	
2	550362	NGUYỄN THỊ NGỌC	07/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550363	ĐỖ KHẢI NGUYỄN	18/08/2006	Xuân Phương	T. Anh	
4	550364	NGUYỄN MINH NGUYỄN	23/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550365	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	10/12/2006	Xuân Trường	T. Anh	
6	550366	MAI KHÁNH NHI	14/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550367	PHẠM THỊ LAN NHI	21/05/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550368	NGUYỄN THẢO NHI	01/06/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
9	550369	ĐỖ VÂN NHI	19/10/2006	Xuân Thành	T. Anh	
10	550370	TRẦN YẾN NHI	19/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
11	550371	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	06/03/2006	Xuân Phong	T. Anh	
12	550372	PHẠM THỊ BÍCH NHUNG	23/11/2006	Xuân Trường	T. Anh	
13	550373	TRỊNH THỊ HỒNG NHUNG	02/08/2006	Xuân Thành	T. Anh	
14	550374	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHUNG	23/08/2006	Xuân Châu	T. Anh	
15	550375	ĐẶNG THỊ TUYẾT NHUNG	12/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550376	ĐINH GIA NHƯ	05/04/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
17	550377	LÊ THÙY NINH	28/04/2006	Xuân Phong	T. Anh	
18	550378	BÙI THỊ KIM OANH	05/08/2006	Xuân Châu	T. Anh	
19	550379	ĐẶNG THỊ OANH	07/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550380	NGUYỄN VĂN PHÁP	19/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
21	550381	PHẠM DUY PHONG	02/05/2006	Xuân Thành	T. Anh	
22	550382	NGUYỄN NGỌC ĐAN PHONG	08/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550383	TRỊNH XUÂN PHÚ	29/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550384	ĐINH NGỌC PHÚC	15/03/2006	Xuân Thành	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24  
Số học sinh thi tiếng Nga: 0  
Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 17

Từ SBD 550385

Đến SBD 550408

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550385	MAI TẤN	PHƯỚC	08/02/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
2	550386	PHẠM MAI	PHƯƠNG	28/08/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
3	550387	TRẦN MAI	PHƯƠNG	12/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550388	VŨ MAI	PHƯƠNG	12/09/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550389	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	11/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
6	550390	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	11/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
7	550391	NGUYỄN NGUYỄN	PHƯƠNG	29/11/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
8	550392	HUỲNH THANH	PHƯƠNG	02/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550393	TRỊNH THANH	PHƯƠNG	20/08/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
10	550394	NGUYỄN THẢO	PHƯƠNG	19/07/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
11	550395	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/06/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
12	550396	NGÔ THU	PHƯƠNG	17/07/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
13	550397	PHẠM XUÂN	PHƯƠNG	31/03/2006	Xuân Châu	T. Anh	
14	550398	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	24/08/2006	Xuân Châu	T. Anh	
15	550399	NGUYỄN ANH	QUÂN	27/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550400	PHẠM ANH	QUÂN	16/06/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
17	550401	PHẠM ANH	QUÂN	01/07/2006	Xuân Trường	T. Anh	
18	550402	NGUYỄN MINH	QUÂN	10/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550403	PHẠM MINH	QUÂN	25/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550404	PHẠM NGỌC QUỐC	QUÂN	24/04/2006	Xuân Phong	T. Anh	
21	550405	PHAN VĂN	QUÂN	14/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550406	TRỊNH ANH	QUỐC	22/08/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
23	550407	ĐINH LỆ	QUYÊN	23/05/2006	Xuân Phong	T. Anh	
24	550408	NGUYỄN VIỆT	QUYẾT	21/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 18  
Từ SBD 550409  
Đến SBD 550432

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	QUỖNH	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550409	TRỊNH DIỄM	QUỖNH	18/05/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
2	550410	LÊ THỊ DIỄM	QUỖNH	05/07/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550411	MAI THỊ DIỄM	QUỖNH	28/07/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
4	550412	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	24/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550413	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	24/09/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
6	550414	NGUYỄN NHƯ	QUỖNH	08/09/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
7	550415	ĐẶNG THỊ NHƯ	QUỖNH	27/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550416	ĐÀO THU	QUỖNH	31/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
9	550417	NGÔ THỊ THÚY	QUỖNH	24/10/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
10	550418	ĐẶNG HỒNG	SÁNG	24/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550419	ĐINH CÔNG	SƠN	24/02/2006	Xuân Thành	T. Anh	
12	550420	NGUYỄN CÔNG	SƠN	28/07/2006	Xuân Châu	T. Anh	
13	550421	NGÔ HẢI	SƠN	13/01/2006	Xuân Thành	T. Anh	
14	550422	NGUYỄN HOÀNG	SƠN	23/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550423	BÙI THẾ	SƠN	30/07/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
16	550424	NGUYỄN TUẤN	SƠN	24/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
17	550425	CHU THANH	TÂM	22/04/2006	Xuân Châu	T. Anh	
18	550426	ĐOÀN ANH	TẤN	14/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
19	550427	NGUYỄN QUANG	THÁI	23/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550428	PHAN VĂN	THÁI	07/03/2006	Thụy Phương	T. Anh	
21	550429	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THANH	20/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
22	550430	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THANH	08/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
23	550431	PHAN THANH	THANH	17/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
24	550432	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	06/03/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 19

Từ SBD 550433

Đến SBD 550456

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550433	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/08/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
2	550434	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	15/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
3	550435	PHẠM PHƯƠNG THẢO	17/12/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
4	550436	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	06/06/2006	Xuân Thượng	T. Anh	
5	550437	ĐỖ THỊ PHƯƠNG THẢO	21/05/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
6	550438	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	16/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
7	550439	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	12/07/2006	Xuân Phong	T. Anh	
8	550440	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	24/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
9	550441	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO	19/06/2006	Xuân Đài	T. Anh	
10	550442	ĐỖ THANH THẢO	13/11/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
11	550443	NGUYỄN THANH THẢO	22/05/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
12	550444	TRẦN THANH THẢO	14/01/2006	Xuân Trường	T. Anh	
13	550445	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	13/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
14	550446	PHẠM THỊ THẢO	18/09/2006	Xuân Phong	T. Anh	
15	550447	ĐINH THU THẢO	20/07/2006	Xuân Phong	T. Anh	
16	550448	NGUYỄN THU THẢO	02/02/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
17	550449	PHẠM THU THẢO	16/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550450	VŨ ĐỨC THẮNG	13/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550451	HOÀNG THỌ THẮNG	21/10/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
20	550452	BÙI VĂN THẮNG	04/01/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
21	550453	HOÀNG VĂN THẮNG	14/07/2006	Xuân Phong	T. Anh	
22	550454	HOÀNG MINH THẾ	23/09/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
23	550455	PHẠM ĐỨC THIÊN	22/08/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
24	550456	PHAN DUY THIỂN	25/05/2006	Trung tâm GDTX	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550457	ĐẶNG NGỌC THIÊN	26/11/2006	Xuân Trường	T. Anh	
2	550458	NGUYỄN XUÂN THIẾT	13/03/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
3	550459	TRỊNH THỊ THU	01/07/2006	Xuân Thành	T. Anh	
4	550460	NGUYỄN ĐẶNG PHƯƠNG THUY	26/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
5	550461	NGÔ THỊ THÙY	20/02/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
6	550462	TRỊNH THỊ THANH THỦY	10/09/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
7	550463	NGUYỄN THỊ THU THỦY	29/06/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
8	550464	PHẠM THỊ THU THỦY	14/12/2006	Xuân Thành	T. Anh	
9	550465	HOÀNG THANH THÚY	28/02/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
10	550466	ĐẶNG VĂN THỤY	09/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550467	NGUYỄN ANH THƯ	17/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
12	550468	TRẦN ANH THƯ	06/09/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
13	550469	VŨ ANH THƯ	20/10/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
14	550470	LÊ THỊ ANH THƯ	24/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550471	ĐỖ MINH THƯ	10/01/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
16	550472	TRỊNH MINH THƯ	28/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550473	BÙI THỊ MINH THƯ	01/08/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
18	550474	TRẦN THANH THƯ	04/11/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
19	550475	VŨ NGỌC THỨC	13/10/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
20	550476	TRẦN VĂN THỨC	23/06/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
21	550477	LƯƠNG THỊ HOÀI THƯƠNG	29/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
22	550478	PHẠM NGUYỄN THỊ TIÊN	11/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
23	550479	ĐINH MẠNH TIẾN	07/07/2006	Xuân Thành	T. Anh	
24	550480	NGUYỄN MẠNH TIẾN	02/01/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI

HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoa ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 21  
Từ SBD 550481  
Đến SBD 550504

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550481	ĐẶNG VĂN	TIẾN	12/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550482	PHẠM VĂN	TIẾN	23/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
3	550483	PHẠM VIỆT	TIẾN	17/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550484	NGUYỄN ĐỨC	TOÀN	04/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
5	550485	NGUYỄN KHÁNH	TOÀN	04/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
6	550486	PHẠM VĂN	TOÀN	13/02/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550487	ĐÀO XUÂN	TOÀN	01/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
8	550488	LƯU NGỌC	TOÀN	14/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
9	550489	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	14/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550490	TRẦN QUỐC	TOÀN	14/09/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
11	550491	NGUYỄN THU	TRÀ	03/12/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550492	ĐINH THỊ HUYỀN	TRANG	03/11/2006	Xuân Thành	T. Anh	
13	550493	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	03/12/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
14	550494	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	27/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550495	TRỊNH THỊ HUYỀN	TRANG	24/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
16	550496	NGUYỄN KIỀU	TRANG	12/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
17	550497	PHẠM THỊ KIỀU	TRANG	03/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
18	550498	PHẠM THỊ MAI	TRANG	27/07/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
19	550499	BÙI PHƯƠNG	TRANG	22/04/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
20	550500	TRỊNH QUỲNH	TRANG	08/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
21	550501	NGUYỄN THỊ	TRANG	18/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550502	BÙI THỊ THU	TRANG	03/11/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
23	550503	PHẠM THỊ THU	TRANG	25/05/2006	Xuân Phong	T. Anh	
24	550504	ĐINH THUY	TRANG	20/08/2006	Xuân Kiên	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT  
Khoá ngày 27/06/2021  
Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 22  
Từ SBD 550505  
Đến SBD 550528

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550505	MAI TIẾN	TRỌNG	03/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
2	550506	PHAN THỊ PHƯƠNG	TRÚC	24/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550507	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	30/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550508	ĐINH QUỐC	TRUNG	12/03/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
5	550509	PHẠM THÀNH	TRUNG	31/07/2006	Xuân Phong	T. Anh	
6	550510	BÙI MẠNH	TRƯỜNG	01/01/2006	Xuân Châu	T. Anh	
7	550511	ĐỖ QUANG	TRƯỜNG	15/02/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
8	550512	VŨ QUỐC	TRƯỜNG	22/08/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
9	550513	ĐOÀN QUANG	TRƯỜNG	09/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
10	550514	NGUYỄN ANH	TÚ	18/09/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
11	550515	TRỊNH ANH	TÚ	26/05/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
12	550516	TRỊNH TIẾN	TÚ	13/09/2006	Trung tâm GDTX	T. Anh	
13	550517	ĐẶNG VIỆT	TÚ	12/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
14	550518	ĐỖ ANH	TUẤN	02/11/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
15	550519	PHẠM ANH	TUẤN	27/10/2005	Trung tâm GDTX	T. Anh	
16	550520	PHẠM CÔNG	TUẤN	01/01/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
17	550521	ĐINH MINH	TUẤN	22/12/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
18	550522	NGUYỄN QUANG	TUẤN	27/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
19	550523	NGUYỄN VĂN	TUẤN	19/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
20	550524	TRẦN VĂN	TUẤN	15/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
21	550525	PHAN DUY	TÙNG	01/06/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
22	550526	NGUYỄN MẠNH	TÙNG	06/12/2006	Xuân Châu	T. Anh	
23	550527	MAI THANH	TÙNG	15/09/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
24	550528	PHẠM VĂN	TÙNG	16/07/2006	Xuân Ninh	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 23

Từ SBD 550529

Đến SBD 550552

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550529	NGUYỄN XUÂN TÙNG	02/06/2006	Xuân Châu	T. Anh	
2	550530	LƯƠNG CÔNG TUYỀN	25/07/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
3	550531	NGUYỄN MINH TUYỀN	21/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550532	VŨ MINH TUYỀN	14/09/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
5	550533	TRỊNH VĂN TUYỀN	06/11/2006	Xuân Kiên	T. Anh	
6	550534	NGÔ ĐÌNH TUYỀN	25/01/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
7	550535	PHẠM XUÂN TUYẾN	07/10/2006	Xuân Phong	T. Anh	
8	550536	PHAN THỊ ÁNH TUYẾT	20/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
9	550537	NGUYỄN THỊ TUYẾT	22/07/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
10	550538	PHẠM ĐỨC TƯ	13/03/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
11	550539	VŨ MAI UYÊN	18/03/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
12	550540	PHẠM THỊ TÚ UYÊN	25/02/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
13	550541	TỔNG THỊ TÚ UYÊN	25/05/2006	Xuân Thành	T. Anh	
14	550542	VŨ THỊ TÚ UYÊN	20/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
15	550543	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	10/10/2006	Xuân Châu	T. Anh	
16	550544	PHẠM KHÁNH VÂN	13/12/2006	Xuân Phong	T. Anh	
17	550545	ĐỖ THỊ THẢO VÂN	28/02/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
18	550546	PHẠM THỊ THẢO VÂN	15/06/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
19	550547	MAI ANH VIỆT	30/05/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
20	550548	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT	29/12/2006	Thanh Am	T. Anh	
21	550549	HỒ ĐỨC VIỆT	06/11/2006	Xuân Châu	T. Anh	
22	550550	NGUYỄN NHẬT VIỆT	27/09/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
23	550551	MAI QUỐC VIỆT	15/10/2006	Xuân Ninh	T. Anh	
24	550552	PHẠM QUANG VINH	30/10/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 24

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

Khoá ngày 27/06/2021

Hội đồng coi thi XUÂN TRƯỜNG

Phòng thi số 24

Từ SBD 550553

Đến SBD 550565

## DANH SÁCH PHÒNG THI

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Trường THCS	Ngoại ngữ	Ghi chú
1	550553	VŨ QUANG	VINH	06/11/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
2	550554	VŨ QUANG	VINH	20/02/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
3	550555	NGUYỄN THÀNH	VINH	11/10/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
4	550556	LÊ THẾ	VINH	25/10/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
5	550557	NGÔ HOÀNG	VŨ	18/03/2006	Xuân Tiến	T. Anh	
6	550558	ĐINH QUỐC	VƯƠNG	28/05/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	
7	550559	VŨ HOÀNG YẾN	VY	23/11/2006	Xuân Ngọc	T. Anh	
8	550560	LÊ MINH	XUÂN	26/09/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
9	550561	BÙI THỊ THANH	XUÂN	26/01/2006	Xuân Bắc	T. Anh	
10	550562	PHẠM HẢI	YẾN	20/11/2006	Xuân Thủy	T. Anh	
11	550563	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	30/08/2006	thị trấn Xuân Trường	T. Anh	
12	550564	VŨ THỊ HẢI	YẾN	02/02/2006	Xuân Phong	T. Anh	
13	550565	ĐẶNG THỊ KIM	YẾN	08/04/2006	Đặng Xuân Khu	T. Anh	

Số học sinh thi tiếng Anh: 13

Số học sinh thi tiếng Nga: 0

Số học sinh thi tiếng Pháp: 0

Nam Định, ngày 25/06/2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG COI THI



HIỆU TRƯỞNG  
PHẠM VĂN CHÂU